

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC – Mã CK: PEC

Trụ sở chính: số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, H.Gia Lâm, TP.Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 8271498

Fax: (024) 3 8271731

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Minh Hải – Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Thông báo số 179/TB-PEC ngày 17/9/2025 về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
- Nghị Quyết số 178/NQ-PEC ngày 17/9/2025 về việc thông qua tài liệu họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2025 và thay đổi thời gian họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực vào ngày 17/9/2025 tại website: www.pecvn.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
CHỦ TỊCH HĐQT


Lê Minh Hải

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-PEC ngày 13/8/2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí Điện lực về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-PEC ngày 17/9/2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí Điện lực về việc thông qua tài liệu họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 và thay đổi thời gian tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;

➤ Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC (PEC)**

➤ Mã số doanh nghiệp: 0101643744

➤ Địa chỉ: 150 Hà Huy Tập, xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội

➤ Điện thoại: (84)(24)38271498

Trân trọng thông báo tới cổ đông thông tin về tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 như sau:

1. Thời gian: 1/2 ngày – bắt đầu từ 08giờ 00' ngày 08/10/2025 (Thứ tư)

2. Địa điểm: Hội trường tầng 4 Nhà điều hành Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực – số 150 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

3. Nội dung thông qua tại ĐHĐCĐ:

3.1 Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

3.2 Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

3.3 Thông qua công bố chậm thông tin các nội dung: Báo cáo thường niên năm 2024;

Các nghị quyết của HĐQT về giao dịch các bên liên quan năm 2022; năm 2023; năm 2024

3.4 Thông qua chủ trương bán cổ phần của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết và các nội dung khác.

4. Thời gian đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo mẫu (Phụ lục 01) và gửi về Công ty trước 17 giờ 00' ngày 07/10/2025 theo địa chỉ: Công ty CP Cơ khí Điện lực, số 150 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội;

5. Thành phần tham dự: Các cổ đông của Công ty theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC lập tại ngày 12/09/2025. Trường hợp cổ đông không có điều kiện tham dự có thể cử người khác đại diện tham dự ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm)

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Các cơ quan hữu quan;
- Công bố thông tin;
- Lưu VT,TKCT.



Lê Minh Hải

Phụ lục 01:



CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng... .. năm 2025

ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Tên tôi là:

Số CMND/Hộ chiếu: cấp ngày/...../ tại
.....

Hộ khẩu thường trú:

Diễn thoại:

Tôi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực được tổ chức vào lúc 08 giờ 00' ngày 17/9/2025

Số cổ phần biểu quyết: cổ phần

(Bằng chữ:)

Trong đó: - Số cổ phần của chủ sở hữu: cổ phần

- Số cổ phần được ủy quyền (nếu có): cổ phần

Tôi cam kết toàn bộ số cổ phần đăng ký biểu quyết nêu trên đều hợp lệ, phù hợp với các quy định của Điều lệ và luật pháp hiện hành.

CỔ ĐÔNG ĐĂNG KÝ

(ký và ghi rõ họ-tên)

.....

Phụ lục 02:



CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Công ty CP Cơ khí Điện lực

1. Người ủy quyền:

Họ và tên:
Số CMND/Hộ chiếu: cấp ngày/...../..... tại
Hộ khẩu thường trú:
Điện thoại:
Số cổ phần đang sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Người được ủy quyền:

Họ và tên:
Số CMND/Hộ chiếu: cấp ngày/...../..... tại
Hộ khẩu thường trú:
Điện thoại:
Số cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần
(Bằng chữ:)

3. Phạm vi ủy quyền:

1. Người được ủy quyền trực tiếp tham dự và biểu quyết các vấn đề tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 Công ty CP Cơ khí Điện lực tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

2. Người được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ trách nhiệm của cổ đông tại ĐHĐCĐ, không được ủy quyền lại cho người thứ ba; và có trách nhiệm thông báo lại nội dung, kết quả ĐHĐCĐ cho Người ủy quyền.

4. Hiệu lực của ủy quyền: có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ có giá trị để tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.

Giấy ủy quyền được lập thành 03 bản, Người ủy quyền giữ 01 bản, Người được ủy quyền giữ 01 bản, và lưu tại Công ty 01 bản.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(ký và ghi rõ họ-tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(ký và ghi rõ họ-tên)

.....

.....

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua tài liệu họp đại hội cổ đông bất thường năm 2025 và thay
đổi ngày tổ chức họp đại hội cổ đông bất thường năm 2025**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực (PEC);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 176/BB-PEC ngày 17/9/2025
Nội dung về việc thông qua tài liệu họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm
2025 và thay đổi ngày tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua tài liệu họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 và
thay đổi thời gian tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 cụ thể như
sau:

Thời gian: Ngày **08/10/2025**

Địa điểm thực hiện: tại Trụ sở Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực.

Điều 2. Nghị quyết được các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua ngày
17/9/2025 với kết quả như sau:

- Tán thành: 3/3 (100% thành viên HĐQT tham gia biểu quyết)
- Không tán thành: 0
- Không có ý kiến: 0

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các thành viên Hội
đồng Quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực chịu trách nhiệm thi hành Nghị
quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Hải

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc Phê chuẩn nội dung dự thảo Quy chế
Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ các Văn bản pháp luật có liên quan

Nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị
2. Xem xét, phê chuẩn Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị (chi tiết nội dung dự thảo Quy chế đính kèm);

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
H. GIA LÂM - T. PHÂN
Lê Minh Hải



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025 PEC/HĐQT ngày ... tháng ... năm 2025 của
Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty* là Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực.

2. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

3. *Người quản lý doanh nghiệp* hoặc *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

4. *Người điều hành doanh nghiệp* hoặc *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban, Phòng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc.

5. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là *thành viên không điều hành*) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.

6. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập)* là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

7. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

9. *Thông tin nội bộ* là thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty.

10. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;

11. *Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực* là Giấy phép thành lập và hoạt động số 0101643744.

12. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. 13. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019

14. *Ngày thành lập* là ngày Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.

15. *Ngày đăng ký cuối cùng* là ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông;

16. *Ban điều hành* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Chương II.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Bảo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Bảo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch có phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải lập báo cáo danh giá và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình

tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp

thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ba (03) thành viên. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị do Điều

lệ công ty quy định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản

trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ

công ty có quy định khác.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88

Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ

gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc

đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo

quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều lệ công ty

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty, khi xảy ra các điều kiện khiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm xuống dưới mức tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và pháp luật, khi có yêu cầu của Ban kiểm soát, của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục, thời hạn và điều kiện triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải đáp ứng quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Trình tự, thủ tục, thời hạn và các điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- e) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực

hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Phân công công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Tổ chức việc thông qua, triển khai thực hiện và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị của Ban Tổng Giám đốc;
- f) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; giám sát quá trình tổ chức thực hiện Quy chế quản trị công ty.
- g) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản trị công ty, Quy chế đầu tư tài chính. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực

hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

h) Có thể được Hội đồng quản trị ủy quyền, có quyền quyết định trong phạm vi được Hội đồng quản trị ủy quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

i) Là Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển, chịu trách nhiệm điều hành và tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban này;

j) Là thành viên Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương, thưởng, chịu trách nhiệm phối hợp với Trưởng Tiểu ban và các thành viên khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban này;

k) Phối hợp với Trưởng Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương, thưởng thực hiện công tác đánh giá hoạt động của mỗi thành viên Hội đồng quản trị hàng năm;

l) Phụ trách công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị; tham gia cùng Ban Điều hành thực hiện công tác đối ngoại của Ban Điều hành khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề xuất của Ban Điều hành;

m) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị là Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty

a) Lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về Quyết định của mình;

b) Tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Tổ chức thực hiện Quy chế quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư tài chính, Quy chế quản lý rủi ro và Quy chế Tiền lương, tiền thưởng;

e) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị với hiện thực hiện công tác xem xét, thẩm định, đánh giá các giải pháp phát triển thị trường, công nghệ thông tin trình Hội đồng quản trị quyết định;

f) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

g) Phụ trách công tác chuẩn bị, cung cấp đầy đủ, toàn diện các cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo chương trình, kế hoạch hoạt động đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị xây dựng được Hội đồng quản trị phê duyệt; hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện công việc được Hội đồng quản trị phân công;

h) Là thành viên Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Chính sách phát triển và Tiểu ban Lương, thưởng. Chịu trách nhiệm phối hợp với các thành viên Tiểu ban khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các Tiểu ban;

i) Phối hợp với Trưởng Tiểu ban và các thành viên Tiểu ban Nhân sự trình Hội đồng quản trị, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật người điều hành; đề xuất đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với các cán bộ đó; đề xuất Hội đồng quản trị quyết định thành lập hay giải thể các đơn vị thành viên, các chi nhánh, văn phòng đại diện trong, ngoài nước; các Phòng/ Ban/ rung tâm của Trụ sở chính trong từng giai đoạn theo nhu cầu thực tiễn phát sinh;

j) Phối hợp với Trưởng Tiểu ban và các thành viên Tiểu ban Lương, thưởng thực hiện nhiệm vụ của tiểu ban;

k) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị;

l) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

a) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành của Ban Điều hành, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý, điều hành, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông;

c) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện Quy chế Tiền lương, tiền thưởng;

d) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế Tiền lương, tiền thưởng. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

e) Theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, cho ý kiến nhằm bảo đảm Hội đồng quản trị có thể đưa ra được những quyết định không thiên vị, công khai, minh bạch, không gây xung đột về lợi ích giữa các cổ đông, bảo vệ được cổ đông nhỏ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông;

f) Đưa ra các ý kiến độc lập về chiến lược, cũng như giám sát nhà quản lý nhằm bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ và vì quyền lợi của các cổ đông;

g) Là Trưởng các Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương, Thưởng, chịu trách nhiệm điều hành và tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các Tiểu ban này;

h) Phối hợp với thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác đánh giá hoạt động của mỗi thành viên Hội đồng quản trị hàng năm;

i) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo đề xuất của

Chủ tịch Hội đồng quản trị của hoặc Tổng Giám đốc;

j) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị khác (nếu có)

a) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

c) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

d) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc hợp với thực hiện công tác xem xét, thẩm định, đánh giá các vấn đề liên quan để trình Hội đồng quản trị quyết định theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

e) Chịu trách nhiệm phối hợp với Trưởng Tiểu ban và các thành viên khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các Tiểu ban mà mình là thành viên;

f) Phụ trách tiếp nhận, xử lý các tố cáo, khiếu nại gửi đến Hội đồng quản trị; chủ trì công tác giải quyết các tố cáo, khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

g) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị của hoặc đề xuất của Tổng Giám đốc;

h) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

i) Phối hợp với các thành viên thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực bao gồm 7 chương, 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tháng.... năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Minh Hải



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc Phê chuẩn nội dung dự thảo Quy chế
Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ các Văn bản pháp luật có liên quan

Nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát
2. Xem xét, phê chuẩn Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (chi tiết nội dung dự thảo Quy chế đính kèm);

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS;
- Lưu: VT.



Phan Thị Nguyệt Nga



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025 PEC/BKS ngày ... tháng ... năm 2025 của
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực)*

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty* là Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực.

2. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

3. *Người quản lý doanh nghiệp* hoặc *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

4. *Người điều hành doanh nghiệp* hoặc *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban, Phòng, Trung tâm tại Trụ sở chính; Giám đốc, Phó Giám đốc các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc.

5. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là *thành viên không điều hành*) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.

6. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* (sau đây gọi là *thành viên độc lập*) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

7. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

8. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán.

9. Thông tin nội bộ là thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty.

10. Người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;

11. Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực là Giấy phép thành lập và hoạt động số 0101643744.

12. Luật Doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. 13. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019

13. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông; 14. Ban điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chương II.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty .

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty .

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu

dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV.

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V.

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty .

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI.

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Mỗi thành viên Ban kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ quyền hạn như sau:

1. Nhiệm vụ

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

e) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành;

f) Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ;

g) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành;

h) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);

i) Được quyền yêu cầu Ban điều hành cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của công ty;

j) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra tổng kết năm tài chính;

k) Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc với các ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có);

l) Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;

m) Được Chủ tịch Hội đồng quản trị mời tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết, được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Quyền hạn

a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;

b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

c) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và quy định pháp luật;

d) Việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng Giám đốc.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2025.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phan Thị Nguyệt Nga



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc công bố thông tin chậm một số nội dung

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ các Văn bản pháp luật có liên quan

Nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn công bố chậm các nội dung sau:

1. Báo cáo thường niên năm 2024
2. Nghị quyết Hội đồng Quản trị về giao dịch với các bên liên quan trong các năm 2022, năm 2023, năm 2024.
3. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Minh Hải

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc thông qua chủ trương bán cổ phần
của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực

Căn cứ các Văn bản pháp luật có liên quan

Nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn:

- Thông qua chủ trương bán cổ phần của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lập các thủ tục chào bán cổ phần của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết đảm bảo bảo toàn được nguồn vốn của Công ty đã đầu tư.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Minh Hải